|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **MA TRẬN ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH 10**  **Môn: Hoá học**  *Thời gian làm bài: 60 phút;*  *(40 câu trắc nghiệm)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **1. Các loại hợp chất vô cơ** | Nhận biết các tính chất hóa học chung của oxit, axit, bazơ, muối; của một số chất đã học. | Phân biệt các loại hợp chất,  Giải thích được các hiện tượng, | Biết vận dụng các tính chất hóa học của oxit, axit, bazơ, muối để tính khối lượng, thể tích các chất |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 5  1,25  12,5 | 3  0,75  7,5 | 4  1  10 | **12**  **3**  **30** |
| **2. Kim loại, phi kim, sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học** | Nhận biết các tính chất hóa học chung của kim loại, phi kim; của một số kim loại, phi kim đã học. | Phân biệt tính chất các loại hợp chất,  Giải thích được các hiện tượng | Biết vận dụng các tính chất hóa học của oxit, axit, bazơ, muối để tính khối lượng, thể tích các chất |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 6  1,5  15 | 4  1  10 | 3  0,75  7,5 | **13**  **3,25**  **32,5** |
| **3. Hiđrocacbon, nhiên liệu** | Nhận biết các tính chất hóa học của một số hiđrocacbon đã học. | Phân biệt tính chất các loại hợp chất,  Giải thích được các hiện tượng | Biết vận dụng các tính chất hóa học của hiđrocacbon để xác định CTHH của chất, tính phần trăm |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 7  1,75  17,5 | 2  0,5  5 | 1  0,25  2,5 | **10**  **2,5**  **25** |
| **4. Dẫn xuất của hiđrocacbon. Polime.** | Nhận biết các tính chất hóa học của một số dẫn xuất của hiđrocacbon và gluxit đã học. | Phân biệt tính chất các loại hợp chất,  Giải thích được các hiện tượng | Biết vận dụng các tính chất hóa học của dẫn xuất của hiđrocacbon và gluxit để giải bài tập |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 2  0,5  5 | 1  0,25  2,5 | 2  0,5  5 | **5**  **1,25**  **12,5** |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **20**  **5**  **50** | **10**  **2,5**  **25** | **10**  **2,5**  **25** | **40**  **10**  **100** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH 10**  **Môn: Hoá học**  *Thời gian làm bài: 60 phút;*  *(40 câu trắc nghiệm)* | |
|  | | **Mã đề thi 011** |

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

Họ, tên thí sinh:..................................................................... Lớp: .............................

**Câu 1:** Cho luồng khí H2 dư đi qua ống sứ có chứa 20g hỗn hợp chất rắn A gồm MgO và CuO nung nóng. Sau khi phản ứng hoàn toàn đem cân lại, thấy khối lượng chất rắn còn lại giảm 3,2g. Khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp A lần lượt là

**A.** 6g và 14g. **B.** 4g và 16g. **C.** 2g và 18g. **D.** 8g và 12g.

**Câu 2:** Trong một nhóm nguyên tố theo chiều tăng của điện tích hạt nhân nguyên tử thì

**A.** Tính kim loại giảm dần. **B.** tính kim loại giảm dần đồng thời tính phi kim tăng dần.

**C.** Tính kim loại tăng dần. **D.** tính kim loại tăng dần đồng thời tính phi kim giảm dần.

**Câu 3:** Cho các sơ đồ phản ứng sau: 1. C6H6 + (A)  C6H5Cl + (B)

2. (C) + Br2  C2H4Br2

Các chất A,B,C trong hai phản ứng trên lần lượt là

**A.** Cl2, HCl, C2H2. **B.** Cl2, HCl, C2H4. **C.** Cl2, HCl, C2H6. **D.** Br2 , HCl, C2H4.

**Câu 4:** Biết 0,01mol hiđrocacbon A có thể tác dụng tối đa với 0,1 lít dung dịch brom 0,1M. Vậy A là hiđrocacbon nào trong các hiđrocacbon sau đây?

**A.** C6H6. **B.** C2H6. **C.** C2H2. **D.** C3H6.

**Câu 5:** Để chống ăn mòn kim loại, **không** dùng cách nào trong các cách sau?

**A.** Ngâm kim loại vào môi trường axit.

**B.** Bôi dầu mỡ lên bề mặt kim loại.

**C.** Chế tạo hợp kim ít bị ăn mòn.

**D.** Ngăn không cho kim loại tiếp xúc với môi trường.

**Câu 6:** Phản ứng đặc trưng của benzen là

**A.** phản ứng cộng. **B.** phản ứng thế. **C.** phản ứng cháy. **D.** phản ứng trùng hợp.

**Câu 7:** Đốt cháy hoàn toàn 6g một hợp chất hữu cơ A thu được 8,8g CO2 và 3,6g H2O. Chất A chứa các nguyên tố

**A.** C, H, N. **B.** C, H, O. **C.** C, H. **D.** C, H, O, N.

**Câu 8:** Có 3 bình đựng 3 chất khí khác nhau: CO2, CH4, C2H4. Để phân biệt chúng ta dùng chất nào trong các chất cho sau đây?

**A.** Dùng nước. **B.** Dung dịch Ca(OH).

**C.** Dung dịch Ca(OH)2 và dung dịch Br2. **D.** Dung dịch Br2.

**Câu 9:** Nhúng một thanh kim loại Cu vào dung dịch ZnSO4. Sau một thời gian thấy

**A.** không có hiện tượng gì. **B.** dung dịch có màu xanh.

**C.** khối lượngthanh kim loại giảm đi. **D.** khối lượngthanh kim loại tăng lên.

**Câu 10:** Một loại quặng photphat chứa 60% tạp chất, còn lại là Ca3(PO4)2. Nếu sử dụng 20 tấn quặng này thì lượng P2O5 điều chế được là bao nhiêu?

**A.** 3,66 tấn. **B.** 5,5 tấn. **C.** 2,66 tấn. **D.** 5,66 tấn.

**Câu 11:** Cho 31g Na2O tan hoàn toàn trong nước thu được 1 lít dung dịch X . Nồng độ của dung dịch X là?

**A.** 0,5M. **B.** 1M. **C.** 2M. **D.** 0,2M

**Câu 12:** Khí nào trong các khí sau đây có tính tẩy màu trong không khí ẩm?

**A.** Cl2. **B.** CO2. **C.** H2. **D.** N2.

**Câu 13:** Có một ống nghiệm chứa nước đã thêm vài giọt dung dịch phenolphtalein. Cho oxit nào trong các oxit sau đây vào ống nghiệm trên thì làm cho phenolphtalein chuyển sang màu hồng?

**A.** CaO. **B.** CO2. **C.** CO. **D.** NO2.

**Câu 14:** Dãy hiđroxit nào trong các dãy dưới đây khi đun nóng đều cho oxit tương ứng ?

**A.** Mg(OH)2, Al(OH)3, Ca(OH)2. **B.** Ba(OH)2, Al(OH)3, Fe(OH)2.

**C.** Mg(OH)2, Al(OH)3, NaOH. **D.** Mg(OH)2, Al(OH)3, Fe(OH)3.

**Câu 15:** Đốt cháy hoàn toàn 4,592g kim loại A trong bình chứa khí clo tạo thành 13,325g một muối duy nhất. Kim loại A là

**A.** Al. **B.** Cu. **C.** Fe. **D.** Zn.

**Câu 16:** Có 4 ống nghiệm đựng các dung dịch sau: Ba(NO3)2, KOH, HCl, Na2CO3. Dùng thêm hóa chất nào sau đây có thể nhận biết được chúng?

**A.** NaOH. **B.** Quỳ tím. **C.** Phenolphtalein. **D.** CO­2.

**Câu 17:** Cho sơ đồ phản ứng: A + HCl  NaCl + H2O. A là chất nào trong các chất sau đây?

**A.** Na. **B.** Na2O. **C.** Na2CO3. **D.** NaOH.

**Câu 18:** Cho 11,2g Fe tác dụng vừa đủ với 200g dung dịch H2SO4 loãng. Nồng độ phần trăm của dung dịch axit đã tham gia phản ứng là

**A.** 54%. **B.** 16,5%. **C.** 9,8%. **D.** 32%.

**Câu 19:** Dẫn một luồng CO dư qua ống nghiệm đựng hỗn hợp Fe3O4 và CuO nung nóng đến phản ứng hoàn toàn ta thu được 2,32g hỗn hợp kim loại. Khí thoát ra cho vào bình đựng Ca(OH)2­ dư thấy có 5g kết tủa trắng. Khối lượng hỗn hợp hai oxit ban đầu là bao nhiêu?

**A.** 4g. **B.** 3,22g. **C.** 3,12g. **D.** 4,2g.

**Câu 20:** Cho 22,4 lít khí etilen (đktc) tác dụng với nước có xúc tác H2SO4, thu được 13,8g rượu etylic. Hiệu suất của phản ứng trên là

**A.** 35%. **B.** 25%. **C.** 30%. **D.** 20%.

**Câu 21:** Khi đốt cháy hoàn toàn CH3COOH, sản phẩm chiếm chủ yếu về khối lượng là khí nào trong các khí cho sau đây?

**A.** CO2.**B.** CO. **C.** N2O. **D.** H2O (hơi).

**Câu 22:** Có 4 chất rắn sau: NaOH, Ba(OH)2, Ca(OH)2, KOH, bằng cách nào để nhận biết có Ca(OH)2 trong 4 chất đó?

**A.** Dùng H2O. **B.** Dùng axit. **C.** Dùng giấy quì. **D.** Dùng phenolphtalein.

**Câu 23:** Cho các chất sau đây:

(1) CH3-CH3, (2) CH2=CH2, (3) CH2=CH-CH3,

(4) CH3-CH2-CH3, (5) C6H6, (6) CH3-CH=CH-CH3.

Những chất có phản ứng trùng hợp là

**A.** (1), (2), (3), (6). **B.** (2), (3), (6). **C.** (2), (3), (5). **D.** (1), (2), (4), (5).

**Câu 24:** Biết dung dịch CuSO4 có màu xanh, khi cho lượng Zn dư vào dung dịch trên, hiện tượng quan sát được là

**A.** màu xanh của dung dịch đậm dần.

**B.** dung dịch chuyển sang màu đen.

**C.** màu xanh của dung dịch nhạt dần rồi chuyển thành không màu.

**D.** dung dịch mất màu xanh và chuyển thành màu đỏ.

**Câu 25:** Dãy kim loại nào trong các kim loại cho sau đây **không** phản ứng với oxi?

**A.** Zn, Fe. **B.** Al, Cu. **C.** Mg, Pb. **D.** Au, Ag.

**Câu 26:** Cho các chất sau: FeS, FeS2, FeO, Fe2O3. Chất có hàm lượng Fe lớn nhất là

**A.** FeS2. **B.** FeO. **C.** FeS. **D.** Fe2O3.

**Câu 27:** Chất nào trong các chất cho sau đây phản ứng với dung dịch KOH tạo khí H2?

**A.** Fe. **B.** Al. **C.** Cu. **D.** Ag.

**Câu 28:** Pha được bao nhiêu ml rượu 150 từ 400ml rượu 450?

**A.** 1200ml. **B.** 120ml. **C.** 180ml. **D.** 1800ml.

**Câu 29:** Tinh bột và xenlulozo khác nhau ở điểm nào trong các điểm sau đây?

**A.** Độ tan trong nước. **B.** Cấu tạo phân tử.

**C.** Thành phần phân tử. **D.** Phản ứng thủy phân.

**Câu 30:** Khí CO2 có lẫn C2H2, SO2 và hơi nước. Để thu được khí CO2 nguyên chất có thể tiến hành các bước nào trong các lựa chọn sau đây?

**A.** Dẫn hỗn hợp khí lội qua dung dịch nước brom.

**B.** Dẫn hỗn hợp khí lội qua dung dịch kiềm dư.

**C.** Dẫn hỗn hợp khí lội qua dung dịch kiềm dư, và bình chứa H2SO4 đặc.

**D.** Dẫn hỗn hợp khí lội qua dung dịch brom dư, và bình chứa H2SO4 đặc.

**Câu 31:** Nhỏ từ từ dung dịch HCl vào cốc đựng mẫu đá vôi, nhỏ cho đến dư. Hiện tượng quan sát được là

**A.** sủi bọt khí, đá vôi tan dần và tan hết. **B.** sủi bọt khí, đá vôi không tan.

**C.** đá vôi tan dần, không sủi bọt khí. **D.** không sủi bọt khí, đá vôi không tan.

**Câu 32:** Dãy chất nào trong các dãy chất cho dưới đây có thể tồn tại đồng thời trong cùng một dung dịch?

**A.** KOH, BaCl2, MgSO4. **B.** BaCl2, Na2SO4, NaNO3.

**C.** KOH, KCl, NaNO3. **D.** MgSO4, ZnBr2, Ca(NO3)2.

**Câu 33:** Một tấm kim loại bằng vàng (Au) bị bám một ít Fe trên bề mặt. Có thể dùng chất lỏng nào sau đây để hòa tan lớp bột sắt trên?

**A.** Dung dịch AlCl3. **B.** Dung dịch HCl. **C.** Dung dịch FeCl2. **D.** H2O.

**Câu 34:** Một hiđrocacbon A có tỉ khối hơi đối với H2­ là 21. Công thức phân tử của A là

**A.** C2H2. **B.** C2H4. **C.** C3H6. **D.** C4H8.

**Câu 35:** Để dập tắt xăng dầu cháy người ta **không** dùng cách nào trong các cách sau đây?

**A.** Dùng chăn ướt trùm lên ngọn lửa. **B.** Phun nước vào ngọn nửa.

**C.** Dùng bình chữa cháy chuyên dụng. **D.** Phủ cát vào ngọn lửa.

**Câu 36:** Một hiđrocacbon có chứa 25% H về khối lượng. Hiđrocacbon đã cho có CTHH là

**A.** C2H2. **B.** C2H4. **C.** CH4. **D.** C4H10.

**Câu 37:** Điện phân dung dịch NaCl bão hòa có màng ngăn xốp là phương pháp dùng để điều chế

**A.** nước Giaven. **B.** khí O2. **C.** khí Cl2. **D.** nước Cl2.

**Câu 38:** Đốt cháy hoàn toàn 6,4g kim loại A hóa trị II trong bình chứa oxi, người ta thu được 8g một oxit. Công thức hóa học của kim loại là

**A.** Cu. **B.** Mg. **C.** Al. **D.** Fe.

**Câu 39:** Điểm khác biệt cơ bản trong cấu tạo phân tử của etilen và axetilen là

**A.** liên kết giữa nguyên tố C và H. **B.** liên kết giữa hai nguyên tử cacbon.

**C.** hóa trị của nguyên tố cacbon. **D.** hóa trị của nguyên tố hidro.

**Câu 40:** Để phân biệt 2 chất màu trắng CaO, P2O5 ta sử dụng thuốc thử nào trong các thuốc thử sau đây?

**A.** Dung dịch phenolphtalein. **B.** Giấy quì ẩm.

**C.** Dung dịch HCl. **D.** Dung dịch Ca(OH)2.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS KIM SƠN** | **ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH 10**  **Môn: Hoá học**  *Thời gian làm bài: 60 phút;*  *(40 câu trắc nghiệm)* | |
|  | | **Mã đề thi 011** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | B | D | B | D | A | B | B | C | A | A |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | B | A | A | D | A | B | D | C | C | C |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| Đáp án | A | A | B | C | D | B | B | A | A | D |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đáp án | A | C | B | C | B | C | C | A | B | B |